

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **52** /2019/HS-ST
Ngày 23/5/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Hùng và bà Hoàng Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kỳ Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2019/TLST-HS ngày 10/4/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐXXST-HS ngày 09/5/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn P**, sinh ngày 13/8/1988 tại Sơn Dương, Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn V, xã VL, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: Phạm Văn T, sinh năm 1963 và bà Mẹ đẻ: Bùi Thị T, sinh năm 1965; vợ: Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1994 (đã ly hôn); con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án: Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 01 năm 03 tháng tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Bản án số 55/2017/HSST ngày 18/9/2017. Ra trại 01/9/2018.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/02/2019 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- Bị hại:

1. Bà Lâm Thị C, sinh năm 1960. Trú tại: Thôn V, xã VL, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

2. Hoàng Thị M, sinh năm 1953. Trú tại: Thôn C, xã VL, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Văn K, sinh năm 1958. Trú tại: Thôn V, xã VL, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

2. Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1949. Trú tại: Thôn C, xã VL, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Trần Văn H, sinh năm 1966. Trú tại: Thôn Đ, xã VL, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

2. Anh Đỗ Mạnh L, sinh năm 1979. Trú tại: Thôn C, xã VL, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

3. Bà Bùi Thị T, sinh năm 1965. Trú tại: Thôn V, xã VL, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong 02 ngày 04/5/2017 và 07/12/2018, Phạm Văn P đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn xã VL, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể:

Lần 1: Khoảng 11 giờ ngày 04/5/2017, Phạm Văn P đi bộ đến nhà bà Lâm Thị C mục đích trộm cắp tài sản. P trèo qua tường rào đi vào phòng khách, qua gian buồng ngủ thì thấy ông Phạm Văn K (chồng bà C) đang ngủ trên giường. P đi xuống bếp thấy bà C đang nằm ngủ ở võng giữa bếp nên đã trộm cắp 01 túi xách màu đen treo trên mắc áo ở góc tường và 01 điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL PAMIC (bên trong có 01 sim điện thoại, 01 thẻ nhớ) để trên bàn nấu ăn rồi đi ra khỏi nhà bà C theo hướng cổng chính. Sau đó, P đi lên đồi keo cách nhà bà C khoảng 300 mét, tắt nguồn điện thoại vừa trộm cắp cho vào túi quần bên phải, mở túi xách để kiểm tra thì thấy bên trong có 3.400.000 đồng, 03 vỉ thuốc và 01 quyển sổ ghi nợ của bà C. Kiểm tra xong, P lấy toàn bộ số tiền cho vào túi quần bên trái còn 03 vỉ thuốc và 01 quyển sổ P cho vào trong túi xách và vứt lại ở bụi cây gần đó.

Khoảng 15 giờ cùng ngày, P đến khu vực cầu A, xã VL mua Hêrôin của 01 người đàn ông (không rõ tên tuổi, địa chỉ) hết 1.000.000 đồng để sử dụng dần, số tiền còn lại P đã chi tiêu cá nhân hết.

Khoảng 08 giờ ngày 05/5/2017, P gặp bà C trên đường, P thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản và viết giấy vay nợ, hẹn đến ngày 05/7/2017 sẽ trả tiền cho bà C. Sau đó, P quay lại đồi keo lấy chiếc túi vứt vào vườn để trả cho bà C.

Đến ngày 01/6/2017, P bị Công an huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang bắt tạm giam về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Khi bị bắt Công an huyện Yên Sơn trả lại cho bà Bùi Thị T (mẹ P) 01 điện thoại di động MASSTEL (do P trộm cắp của bà C), do điện thoại hỏng nên bà T đã vứt đi. Đến ngày 01/9/2018 P chấp hành án xong về địa phương sinh sống. Khoảng 01 tháng sau bà C hỏi về việc trả lại tiền nhưng P nhất chưa có, sau đó bà C đã gửi đơn tố giác về hành vi

phạm tội của P đến Công an xã VL và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Dương.

Tại Kết luận định giá tài sản số 150/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 11/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Sơn Dương. Kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL PAMIC và 01 sim điện thoại Viettel trị giá 441.650 đồng; 01 thẻ nhớ Microsd trị giá 44.165 đồng; 01 túi xách trị giá 56.000đ; 01 vỉ thuốc tây (thuốc bổ não) trị giá 14.750 đồng; 02 vỉ thuốc tây (thuốc tiểu đường) trị giá 137.700 đồng. Tổng trị giá tài sản trộm cắp là: 694.265 đồng. (*Sáu trăm chín mươi tư nghìn hai trăm sáu mươi lăm đồng*). Tổng giá trị tài sản P trộm cắp của bà Lâm Thị C là 4.094.265đ (*Bốn triệu không trăm chín mươi tư nghìn hai trăm sáu mươi lăm đồng*).

Lần 2: Khoảng 15 giờ ngày 07/12/2018, Phạm Văn P đi bộ đến nhà bà Hoàng Thị M mục đích trộm cắp tài sản. Khoảng 17 giờ cùng ngày, P đến nhà bà M, thấy cửa nhà đóng, bà M đang chăn gà phía sau nên P đi vào từ lối sau nhà, đến tủ bán hàng tạp hóa đặt ở sân trộm cắp số tiền 1.300.000 đồng (kẹp trong quyển sổ ở ngăn tủ cuối). Sau đó, P đi vào phòng ngủ bên trái (hướng từ cửa chính vào) trộm cắp 01 điện thoại di động Viettel nhãn hiệu V6216i, 01 chiếc đồng hồ bằng kim loại màu vàng nhãn hiệu ROSRA, 01 chiếc đồng hồ bằng kim loại màu vàng quai bằng da nhãn hiệu OMEGA đặt trên bàn gỗ trong phòng và số tiền 800.000 đồng để trong túi quần vải treo trên tường. P tiếp tục đi ra sân trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia để trên quầy tủ bán hàng tạp hóa rồi đi khỏi nhà bà M. Khi về đến nhà, P tháo sim của 02 điện thoại vừa trộm cắp, 01 sim để trên nóc tủ, chiếc còn lại P để trong túi quần đã bị rơi mất, P lấy sim điện thoại của P lắp vào chiếc máy Nokia để sử dụng.

Khoảng 14 giờ ngày 08/12/2018, P khai đến thôn Đ, xã VL mua 01 gói Hêrôin của Bùi Văn C trú tại thôn C, xã VL, huyện S với số tiền 200.000 đồng, P trả 150.000 đồng tiền mặt và cầm cố thêm 01 chiếc đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Omega đã trộm cắp được của nhà bà M, số tiền trộm cắp P chi tiêu hết 1.745.000 đồng còn lại 205.000 đồng (đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra).

Tại Kết luận định giá tài sản số 156 ngày 19/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự. Kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu V621i Vietel và 01 sim điện thoại Viettel trị giá 280.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, 01 sim điện thoại Vietel trị giá 287.000 đồng; 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu ROSRA trị giá 770.000 đồng; 01 đồng hồ nhãn hiệu OMEGA trị giá 350.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 1.687.000 đồng (*Một triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn đồng*). Tổng giá trị tài sản P trộm cắp của bà Hoàng Thị M là 3.787.000 (*Ba triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn đồng*).

Như vậy tổng trị giá tài sản trong 02 lần P trộm cắp là 7.881.265 đồng (*Bảy triệu tám trăm tám mươi một nghìn hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*).

Bị hại bà Lâm Thị C yêu cầu P bồi thường số tiền 3.400.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm nghìn đồng*). Bà Hoàng Thị M không có yêu cầu đề nghị gì.

Từ nội dung trên, Cáo trạng số 44/CT-VKSND ngày 09/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương đã truy tố bị cáo Phạm Văn P về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Văn P phạm tội Trộm cắp tài sản
- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; đoạn 1 điểm h, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự
- Xử phạt Phạm Văn P từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 12/02/2019.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nội dung khai báo của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, không có tình tiết mới. Bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản, bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

Kết thúc phần tranh tụng, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tỏ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng: Kết luận định giá tài sản, biên bản sự việc, biên bản xác minh hiện trường, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong 02 ngày 04/5/2017 và 07/12/2018, Phạm Văn P đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn xã VL, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể:

Lần 1: Khoảng 11 giờ ngày 04/5/2017 tại gia đình bà Lâm Thị C, bị cáo có hành vi trộm cắp của bà C các tài sản gồm: 01 điện thoại di động MASSTEL PAMIC (bên trong có 01 sim điện thoại Viettel, 01 thẻ nhớ Microsd), 03 vỉ thuốc, 01 túi xách, số tiền 3.400.000 đồng. Tổng giá trị tài sản P trộm cắp của bà Lâm Thị C là 4.094.265đ (*Bốn triệu không trăm chín mươi tư nghìn hai trăm sáu mươi lăm đồng*).

Lần 2: Khoảng 17 giờ ngày 07/12/2018 tại gia đình bà Hoàng Thị M, bị cáo có hành vi trộm cắp của bà M các tài sản gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu V6216i, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia (bên trong mỗi điện thoại

đều có 01 sim điện thoại Viettel); 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu ROSRA; 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu OMEGA, số tiền 2.100.000 đồng. Tổng giá trị tài sản P trộm cắp của bà Hoàng Thị M là 3.787.000 (*Ba triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn đồng*).

Tổng giá trị tài sản trong 02 lần bị cáo trộm cắp là: 7.881.265 đồng (*Bảy triệu tám trăm tám mươi một nghìn hai trăm sáu mươi lăm đồng*).

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự

+ Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự và tái phạm quy định tại đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Quá trình điều tra và truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Khởi tố, điều tra, thu thập chứng cứ, truy tố đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[4] Về mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm vào quyền sở hữu đối với tài sản của người khác, đó là hành vi nguy hiểm cho xã hội và gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi dưới hình thức lờn cổ ý trực tiếp, lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác với mục đích vụ lợi. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý vì vậy lần phạm tội này là tái phạm. Do vậy, cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Xét bị cáo không có tài sản riêng có giá trị, là lao động tự do không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền số tiền 205.000 đồng (*Hai trăm linh năm nghìn đồng*). Đây là tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo là hộ nghèo có xác nhận của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú, do vậy miễn toàn bộ án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* *Căn cứ vào:* Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; đoạn 1 điểm h, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

* *Tuyên bố:* Bị cáo Phạm Văn P phạm tội Trộm cắp tài sản.

* *Xử phạt:* Bị cáo Phạm Văn P **01** (một) năm **03** (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 12/02/2019.

* *Về trách nhiệm dân sự:*

Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 589, 468 của Bộ luật dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại bà Lâm Thị C, bị cáo có nghĩa vụ phải bồi thường cho bà C số tiền 3.400.000đ (*ba triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Khoản tiền phải trả kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị cáo chậm trả thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự

* *Về vật chứng:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 205.000 đồng (*Hai trăm linh năm nghìn đồng*) là tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Khoản tiền trên hiện đang được tạm giữ tại tài khoản tạm giữ số 3591.0.9047103.00000 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Dương mở tại Phòng giao dịch Kho bạc nhà nước huyện Sơn Dương. Ngày chuyển khoản 20/12/2018.

* *Về án phí :* Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội:

Bị cáo Phạm Văn P phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo thuộc diện hộ nghèo có xác nhận của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú, do vậy miễn toàn bộ án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo.

* *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Công an huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;;
- UBND xã VL;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Phạm Thị Quỳnh